VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 9

(Phần Hạ)

Phẩm Thứ 16: **NHƯ LAI THỌ LƯỢNG**

Trước nêu ra một số giải thích khác nhau: Bài tựa của sư Duệ nói: "Thọ vô lượng kiếp chưa đủ để chứng minh sự lâu dài kia, phân thân vô số không đủ để khác với Thể kia, vậy thì thọ lượng kia nhất định chẳng thể tính số, phân thân rõ ràng cùng với cái Thể kia không khác (bất dị). Phổ Hiền hiển bày cái Thể kia không thành, Đa Bảo chứng minh cái Thể kia bất diệt". Sư Đạo Lãng ở Hà Tây nói: "Rõ ràng pháp thân chân thật và biến hóa không khác, còn và mất là lý Nhất, Đa Bảo hiện chứng minh pháp thân thường tồn, thọ lượng rõ ràng cùng sánh ngang bằng với thái hư". Đạo Tràng Quán nói: "Hội tam qui nhất thừa là ban đầu. Diệt ảnh lắng thần thừa là cuối cùng. Diệt ảnh, nghĩa là dứt Tích. Lắng thần thì Bản lộ ra. Cho nên Tích thì vô thường mà Bản thì thường". Có người chú giải: "Không bị chi phối bởi qui luật tồn vong, là "Thọ", vượt ngoài giới hạn của dài ngắn, là "lượng". Pháp thân chẳng thuộc về hình dáng tuổi tác, nếu đại sĩ tu thì thực hành soi chiếu đến cùng tột, không thể cho rằng tại thành Già-da mới làm Phật và trăm tuổi là người già". Trúc Đạo Sinh nói: Sắc thân đức Phật kia ứng hiện mà có, không có thật hình. Hình đã không thật, thì đâu có thọ ư? Thế thì vạn hình đồng đến chỗ xưa nay là một, xưa cũng như nay, nay cũng như xưa. Không lúc nào không có, không nơi nào không tồn tại. Nếu có lúc không có, có chỗ không tồn tại, thì đối với chúng sinh như vậy, đức Phật không như vậy. Đây là dùng chỗ tột cùng mà luận bàn trường thọ, nói "Già-da" là như thế vậy. Già-da là như thế, thì chẳng phải là Già-da nữa. Già-da đã không, thì trường thọ kia làm sao riêng có một mình được? Ngắn dài ở đây mất, ngắn dài thường còn ở nơi đó sao!

Các sư thế hệ trước nói như trước nay, phần nhiều căn cứ vô lượng để chứng minh "thường". Các sư thời gần đây, thì phần nhiều nói thọ là

lượng, pháp trước vượt quá hằng sa, sau gấp bội số trên, cuối cùng qui về giới hạn cùng cực chứng minh "vô thường". Lại người mê hoặc chấp phẩm nói Thọ lượng. Lượng là vô thường, sao dùng giải nghĩa thường? Nay vì trả lời: Phẩm nói thẳng Thọ lượng, không nói Thọ hữu lượng, không nói Thọ vô lượng. Ông giải thích vô thường, người khác giải thích thường. Đây sao mà tệ vậy, như "cò hến tranh nhau". Ta căn cứ tệ hại kia mà giải thích đầy đủ bốn điều:

1. Thật hữu lượng mà nói vô lượng, là Di-đà.

2. Thật vô lượng mà nói lượng, như phẩm này và kinh Kim Quang Minh.

3. Thật vô lượng mà nói vô lượng, như kinh Niết-Bàn nói: "Chỉ có Phật cùng với Phật mới thọ vô lượng".

4. Thật hữu lượng mà nói lượng, như tám mươi tuổi kêu là diệt. Phẩm văn có đầy đủ nghĩa đây, đâu có thể là một mà chẳng phải ba ư!

Hỏi: Nếu phẩm Thọ Lượng nêu thường, thì kinh Niết-Bàn vì sao khác? Nay lại chất vấn: "Pháp Hoa nhất thừa cùng Thắng Man nhất thừa có gì sai khác"?

Đáp: Nếu phân biệt đáp, thì Pháp Hoa lược nêu thường, Niết-Bàn rộng nêu thường. Thắng Man là nhất nêu nhất, Pháp Hoa hội tam nêu nhất...

Hỏi: Thành đạo cận là phương tiện, thành đạo viễn là chân thật, Kinh Hoa Nghiêm nêu tịch diệt đạo tràng, Đại kinh nêu vượt trước chín kiếp, đều là thành phương tiện, Nếu như vậy thì Pháp Hoa khai viễn xong, Thường Bất Khinh sao lại cận? Nên biết Pháp Hoa đã trở lại phương tiện. Nếu vậy thì hội tam qui nhất xong, cũng nên không hội tam qui nhất. Nếu vậy thì khai tam hiển nhất chư Phật đạo đồng, khai Cận hiển Viễn chư Phật đạo đồng. Nếu vậy thì chư Phật cũng vậy, đâu phải chỉ riêng đức Thích-ca. Nếu riêng đức Thích-ca, thì các nghĩa trước hoại.

Đáp rằng: Phương tiện của Phật Thích-ca và chư Phật cũng vậy. Lại nữa, các Bồ-tát nghe Thọ lượng thì phát nguyện, nguyện ta ở đời vị lai thuyết Thọ lượng cũng như vậy. Đây tức chư Phật đạo đồng, cũng không riêng nói nhất cận nhất viễn. Cho nên, biết nhờ vô thủy vô chung, vô cận vô viễn để hiển Pháp thân thường trú, nhờ hữu thủy hữu chung, hữu cận hữu viễn để luận bàn kia ứng với Tích. Dùng nghĩa này mà nhìn các kinh, đối duyên tuy khác cuối cùng không khác. Đã hiểu rõ các kinh, các sư bất khả sư.

Hỏi: Theo nghĩa thì suy cứu "thường" có thể như thế, nhưng dẫn

chứng văn kinh thì căn cứ vào đâu?

Đáp: Người hiểu biết thì quí ở lý. Người không hiểu biết thì chấp văn, chỉ tìm giải thích hợp với tông là chánh ý của giáo. Nếu chấp những cái vụn vặt mà hỏi những điều cao xa thì có ích gì?! Lại giáo vốn là duyên, duyên khác thì nói khác, hoặc là tùy vui thích, tùy nghi, tùy trị, tùy ngộ, ngộ thì đạt đến rồi, sao lại lo lắng mông lung làm gì? Cho nên nói "Nê-hoàn chân pháp bảo, chúng sinh đủ loại môn nhập" là nghĩa đây vậy. Lại văn có nhiều ít, kinh Niết-Bàn lấy vị lai thường trú làm tông chỉ, nên văn kia nói nhiều, không dùng "từ quá khứ lâu đã thành Phật" làm tông chỉ, nên văn kia ít. Nếu theo nhiều bỏ ít, thì là ma thuyết chẳng phải Phật thuyết. Kinh này lấy "quá khứ đã thành Phật" làm tông, số cõi trải qua nhiều như vi trần, nên văn nói nhiều, vị lai thường trú văn kia nói ít. Nếu theo nhiều bỏ ít, thì như đầu phá làm bảy phần, như cành cây A-lê. Ví như lệnh của thiên tử, dù nhiều hay ít đều không thể trái, trái lệnh thì mắc tội. Phẩm Phương Tiện nói: "Thế gian tướng thường trư, nơi đạo tràng biết rồi, đức Phật phương tiện nói". Văn đây tức nói vị lai thường trú bất diệt. Lại, nói "ta thường trú nơi đây". Lại, nói "thường ở núi Linh-thứu" và các trú xứ khác. Kinh Phổ Hiền Quán nói: "Nơi Thường Ba-la-mật thu nhiếp thành tựu, nơi Ngã Ba-la-mật an lập. Như đây văn nói nghĩa Thường cũng lại không ít. Lại nữa, kinh này nơi nơi đều nêu pháp thân, pháp thân há chẳng thường ư ?

Hỏi: Đã nói pháp thân thì nên luận tam đức?

Đáp: Quyền, Thật nhị trí há chẳng phải Bát-nhã? Ba đời thị hiện há chẳng phải Giải thoát? Thật tướng Bản địa chính là Pháp thân. Ba đức được nêu trong văn là như thế.

Giải thích tên Phẩm: "Như Lai": là danh hiệu chung của mười phương ba đời chư Phật, nhị Phật, tam Phật, Bản Phật, Tích Phật. "Thọ lượng" là thuyên lượng, thuyên lượng công đức của mười phương ba đời chư Phật, nhị Phật, tam Phật, Bản Phật, Tích Phật. Đây chính thuyên lượng bản địa công đức của Phật, cho nên nói phẩm Như Lai Thọ Lượng. Như Lai nghĩa rất nhiều, ở đây tạm nêu nhị, tam Như Lai, ngoài ra theo lệ có thể biết.

Nhị Như Lai: Thành luận nói: Thừa Như thật đạo, Lai thành chánh giác, cho nên gọi là "Như Lai". Thừa là pháp như như trí, thật là pháp như như cảnh, đạo là nhân, giác là quả. Nếu riêng luận về thừa, thì như như vô sở tri, riêng luận về thật, thì như như vô năng tri. Cảnh trí hòa hợp thì có nhân quả. Chiếu cảnh chưa cùng, thì gọi là nhân, tận nguồn thì gọi là quả. Nghĩa đạo giác thành tựu tức là thừa Như thật đạo,

Lai thành chánh giác. Đây là "Chân thân Như Lai". Dùng trí như thật, nương đạo như thật, đến sinh trong cõi, thị hiện thành Chánh giác, tức là "Ứng thân Như Lai".

Tam Như Lai: Đại luận nói: Như pháp tướng giải, như pháp tướng thuyết, cho nên gọi là Như Lai. "Như": pháp như như cảnh, chẳng nhân chẳng quả, dù có Phật hay không có Phật thì tánh tướng thường như vậy, khắp tất cả xứ mà không có khác, gọi là "Như". Bất động mà đến, gọi là "Lai". Chỉ đây là Pháp thân Như Lai. Pháp như như trí nương nơi đạo như như chân thật, "lai" thành Diệu giác. Trí xứng như lý, theo lý gọi là Như, theo trí gọi là Lai, tức Báo thân Như Lai. Cho nên luận nói: Như pháp tướng giải, nên gọi là Như Lai. Vì cảnh trí như như hợp, cho nên có thể ở khắp nơi thị hiện thành Chánh giác. Thủy ngân hòa với chân kim thì có thể tô bồi các sắc tượng, công đức hòa pháp thân thì có thể hiện đến khắp mọi nơi. Tám tướng thành đạo chuyển diệu pháp luân, tức Ứng thân Như Lai. Cho nên Đại Luận nói: "Như pháp tướng thuyết cho nên gọi là Như Lai".

Pháp thân Như Lai gọi là Tỳ-lô-giá-na, Trung hoa dịch Biến Nhất thiết xứ. Báo thân Như Lai gọi là Lô-xá-na, Trung hoa dịch Tịnh Mãn. Ứng thân Như Lai gọi là Thích-ca Văn, Trung hoa dịch Độ Ốc Tiêu. Đây là tam Như Lai, nếu riêng chọn thì không được. Đại kinh nói: Pháp thân cũng phi, Bát-nhã cũng phi, Giải thoát cũng phi. Ba pháp đầy đủ xứng bí mật tạng, gọi là Đại Niết-Bàn, không thể là một hay khác, là dọc hay là ngang. Quan sát theo Viên giáo, thì ba pháp gọi là giả danh Như Lai. Kinh Phạm Võng kết thành Hoa Nghiêm giáo, đài hoa làm gốc, cánh hoa làm ngọn. Biệt làm một duyên thuyết như đây mà gốc ngọn không được lìa nhau. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi kết thành Niết-bàn. Văn nói: "Hoặc thấy đức Thích-ca là Tỳ-lô-giá-na hoặc là Lô-xá-na. Bởi do duyên trước mà thấy khác chẳng phải Phật có ba. Kinh Phổ Hiền Quán kết thành Pháp Hoa. Văn nói: "Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na chính là khác tên chẳng phải khác thể". Tổng quát ý của các kinh, nên biết ba Phật chẳng phải một hay khác, rõ ràng vậy!

Hỏi: Phẩm này không có tên của ba Phật sao giải thích?

Đáp: Tuy không nêu tên mà nghĩa kia đầy đủ.

Văn nói: "Chẳng như chẳng khác, chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi". Đây chẳng Thiên như mà hiển bày Viên như, tức nghĩa Pháp thân "Như Lai". Lại nói: "Như Lai như thật tri kiến (thấy biết) tướng tam giới, tức là như như trí xứng như như cảnh. Cái thấy biết của Nhất thiết chủng trí, tức Phật nhãn, đây là nghĩa Báo thân Như Lai". Lại nói: "Hoặc chỉ

bày thân mình việc mình, hoặc chỉ bày thân người việc người", đây tức nghĩa Ứng thân Như Lai. Nếu chỉ tánh đức của ba Như Lai là ngang, chỉ tu đức của ba Như Lai là dọc, thì "trước Pháp thân, tiếp Báo thân, sau Ứng thân" là dọc. Kinh này là Viên giáo, thuyết không dọc không ngang ba Như Lai. Nêu Như Lai ngang dọc còn chẳng phải nghĩa này, huống chi nghĩa Như Lai theo Tam tạng và Thông giáo! Lại, trước Pháp Hoa cũng nêu Viên Như Lai, đồng là thuyết trong Tích môn. Phát Tích hiển Bản ba Như Lai, vĩnh viễn khác với các Kinh. Luận nói rằng: "Thị hiện thành đại Bồ-đề vô thượng cho nên thị hiện ba thứ Bồ-đề: 1. Ứng hóa Bồ-đề tùy chỗ ứng hiện, tức là thị hiện, như kinh nêu xuất thân từ cùng dòng họ Thích. 2. Báo Phật Bồ-đề: Thập địa mãn túc đắc Thường Niết-bàn, như kinh nói: "Ta thật từ lúc thành Phật đến nay, trải qua vô lượng vô biên kiếp". 3. Pháp Phật Bồ-đề: Nghĩa là Như Lai tạng tánh tịnh Niết-Bàn bất biến, như kinh nói: "Như Lai thật thấy biết tướng của tam giới". Kinh nói đủ nghĩa, luận nêu đủ tên, không giải thích như trên thì đâu hợp với kinh luận!

Tiếp đến giải thích hai chữ "Thọ lượng": "Thọ" là nghĩa thọ nhận. Chân như không ngăn cách các pháp, cho nên gọi là thọ nhận. Lại, cảnh trí tương ưng nên gọi thọ nhận. Lại, môt kỳ báo được trăm năm không đoạn, nên gọi là thọ nhận. "Lượng" là thuyên lượng. Chữ "lượng" thì chung không có mục đích riêng biệt để căn cứ. Thuyên lượng Pháp Như Lai thì dùng như lý làm mạng, Báo Như Lai thì dùng trí tuệ làm mạng, Ứng Như Lai thì đồng duyên lý làm mạng. Thuyên lượng các mạng, hoặc hữu lượng hoặc vô lượng, hoặc phi lượng phi vô lượng.

Pháp thân Như Lai như lý mạng: Có Phật không Phật, tánh tướng thường như vậy. Không luận tương ưng và bất tương tục, cũng không hữu lượng và vô lượng. Văn nói: "Phi như, phi dị, phi hư, phi thật", đó là thuyên lượng Pháp thân như lý mạng.

Thuyên lượng Báo thân Như Lai: Vì như như trí khế hợp như như cảnh, cảnh phát trí làm Báo, trí biết cảnh bao la làm thọ. Cảnh đã vô lượng vô biên thường trú bất diệt, trí cũng như vậy, như hộp lớn thì nắp lớn. Văn nói: "Trí lực của ta như vậy, nghiệp tu tập lâu mà được. Tuệ quang soi chiếu vô lượng, thọ mạng vô số kiếp". Đây là thuyên lượng Báo thân Như Lai trí tuệ mạng.

Thuyên lượng Ứng thân: Ứng thân đồng duyên, duyên dài cùng dài, duyên ngắn cùng ngắn... tự kia đối với ta làm gì! Văn nói: "Thường thường hiện sinh, thường thường hiện diệt. Hoặc lại tự thuyết danh tự không đồng, số tuổi lớn nhỏ". Đây là thuyên lượng Ứng Phật đồng

duyên mạng.

Lại nữa, Pháp thân phi lượng phi vô lượng. Báo thân trước Kim cang hữu lượng, sau Kim cang vô lượng. Ứng thân tùy duyên thì hữu lượng, ứng dụng không đoạn thì vô lượng. Con đường chung về thuyên lượng thì ba câu tại Thánh, một câu thuộc phàm. Hữu lượng vô thường đều chẳng phải nghĩa Phật. Xưa đến nay, các cách giải thích chính là tăng giảm, cả hai đều hủy báng vu khống Phật thêm, chẳng phải ma là gì ! Bốn câu thuyên lượng nghĩa kia đã rõ. Vì người chưa hiểu, lại chọn lựa phân ra làm bốn câu thường v.v... trước nêu riêng, sau nêu chung. Riêng: là phi thường phi vô thường, cả hai phi lý tột cùng tức Pháp thân. Thường tức Báo thân. Báo trí cảnh hợp cũng phi thường phi vô thường. Chỉ lấy chánh trí viên mãn bất sinh bất diệt, vượt qua trước Kim cang tâm, cho nên lấy "thường" làm Báo thân, lấy "cũng thường cũng vô thường" làm Ứng thân. Ứng dụng vô tận là "cũng thường", Phật nhiều lần nói: "Ta sẽ Niết-Bàn", gọi là "cũng vô thường". Vô thường thì Kim cang tâm trở về trước, trí dụng tăng tiến cho đến phàm phu sinh diệt ẩn hiện đều là vô thường. Ba thân Phật thì mỗi thân một câu, phàm phu chung một câu, Đây là căn cứ Biệt giáo mà phân biệt riêng.

Còn nói chung theo Viên giáo thì mỗi một Như Lai đều đầy đủ bốn câu. Pháp thân có bốn câu: Phi thường phi vô thường, cả hai cùng phá bát đảo của phàm Thánh. Thường, là như hư không thường. Vô thường, là không có phàm phu sinh diệt đảo loạn. Cũng thường cũng vô thường: là tịch mà song chiếu. Báo thân có bốn: Phi thường phi vô thường: Trí biết cảnh bao la, cho nên Thường là vượt quá Nhị thừa. Vô thường: Không có sinh diệt đảo loạn. Cũng thường cũng vô thường: năng song chiếu. Ứng thân có bốn: Phi thường phi vô thường: là phi báo phi sinh tử. Thường: là thường ứng thân đồng. Vô thường: là đồng vô thường. Cũng thường cũng vô thường: là cả hai đều tồn tại. Phàm phu đã được một câu vô thường, theo cách chung cũng làm bốn câu. Chỉ có lý tánh đức còn không có danh tự bốn câu, huống chi là hành dụng ư! Có thể hiểu, khỏi phải nói ra.

Một thân tức ba thân, không một không khác. Phải biết một thân Phật tức dầy đủ công đức thọ mạng của các thân, tùy duyên cảm mà thấy ngắn dài không đồng. Đại kinh nói: "Hàng phàm phu, Nhị thừa thấy thọ mạng của Phật giống như ngày mùa đông, Bồ-tát thấy giống như ngày xuân, chỉ có Phật thấy thọ mạng của Phật vô lượng giống như ngày hạ". Sở dĩ có như vậy, là do hàng phàm phu thì bác địa mê mờ chướng ngại mông lung, Tạng Thông Nhị thừa thì tuy đoạn Tứ trụ mà

vẫn không thấy Trung đạo. Hoặc xả Phân đoạn, thọ Pháp tánh thân, mà chưa phá vô minh, ở cõi kia phụng trì cũng là Ứng thân thù thắng, nên biết Nhị thừa chỉ thấy như ngày đông. Nếu các Bồ-tát chưa đến (địa vị thập trú) thì thấy đồng như trước, nếu phá vô minh cho đến thọ phần Pháp thân, thì đều gọi là được thấy Báo thân thọ mạng, quyết định mà nói thì cũng là thắng Ứng thân, chưa cùng tận cội nguồn báo thân, chưa cùng tận cực pháp tánh, nên thấy thọ mạng Phật cũng giống như ngày xuân. Chỉ có Phật cùng Phật mới cùng tánh tận nguồn, thấy pháp thân thọ mạng như ngày hạ. Đại kinh nêu ba ví dụ để dụ: 1. Trong các cái Thường thì hư không là đệ nhất, trong tất cả thọ mạng thì Như Lai là đệ nhất, đây là thí dụ Pháp thân thọ mạng vô thủy vô chung tánh tướng vắng lặng, không đồng Ứng, Báo thân. 2. Thí dụ như bốn con sông đều chảy về biển lớn, đây là dụ Báo thân tu vạn điều thiện đều cảm Phật báo thân trong biển thọ mạng. 3. Trong ao A-nậu-đạt chảy ra bốn con sông lớn, đây là dụ Ứng thân thọ mạng từ Pháp Báo xuất ra đồng tha dài ngắn. Phẩm này thuyên lượng nêu thông suốt cả ba thân, nếu theo ý Biệt giáo thì chánh tại Báo thân. Vì sao? Vì nghĩa tiện văn hợp. Nghĩa tiện: là Báo thân trí tuệ trên thì sâu dưới thì hợp, ba thân rõ ràng đầy đủ, cho nên nói nghĩa tiện. Văn hợp: "Từ khi ta thành Phật đến nay rất là lâu xa", cho nên năng làm lợi ích cho chúng sinh ba đời. Sở thành tức Pháp thân, năng thành tức Báo thân. Pháp thân và Báo thân hợp, nên năng lợi ích chúng sinh, cho nên nói văn hợp. Lấy đây mà suy, thì ý chính là luận công đức Báo thân Phật.

Lại nữa đủ mọi công đức của ba thân như vậy, đều là lúc xưa (bản) ở dưới cây Bồ-đề trước lâu đã thành tựu gọi là Bản. Trung gian ngày nay ở Tịch diệt đạo tràng thành tựu, gọi là Tích. Các kinh nói Bản Tích ấy: Tức Tịch diệt đạo tràng thành tựu Pháp Báo thân, là Bản. Từ Bản mà sinh khởi hai Ứng thân thắng liệt, là Tích. Kinh này nêu chọn Tịch tràng và trung gian thành tựu ba thân, đều gọi là Tích, chọn Bản xưa ngồi đạo tràng chứng đắc tam thân, gọi là Bản, cho nên khác với các kinh. Nếu không có Bản thì không thể thùy Tích. Nếu không có Tích thì không thể hiển Bản. Bản Tích tuy khác mà là bất tư nghì nhất. Triệu sư nói: Ý tại Tịch diệt đạo tràng đó là Bản. Lại nữa, Bản Tích tại Tịch diệt đạo tràng lại có nhiều thứ: Hoặc là dùng Niết-bàn làm Bản, từ chân khởi ứng làm Tích. Tích Bản đều không, nói năng suy nghĩ đều dứt, cho nên bất tư nghì nhất. Hoặc là dùng tục làm Bản, từ tục khởi ứng làm Tích, Tích Bản sâu rộng, địa vị thấp kém thì không thể tư duy luận bàn bờ mé, cho nên nói bất khả tư nghì nhất. Hoặc là dùng Trung làm

Bản, từ Trung khởi ứng làm Tích, Tích Bản đều ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt, cho nên nói bất tư nghì nhất. Lại nữa ba thứ đây, không phải ba cũng không phải một. Không phải ba không phải một, làm Bản, mà là ba mà là một, làm Tích, đều là ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt, bất tư nghì nhất. Chưa biết các sư chỉ nơi nào làm Bản Tích bất tư nghì nhất?! Nay nhiếp luôn bốn phen đều là bất tư nghì nhất trong Tích. Xa chỉ bản địa mà ba phen bốn phen bất khả tư nghì, dùng làm Bản kia, từ Bản ấy mà thùy Tích, đem Tích mà hiển Bản. Bản tích tuy khác mà bất tư nghì nhất. Bản Tích như, thế thì sao được không khác các kinh, sao được không khác các sư ?

Hỏi: Các kinh đều nói thứ bậc địa vị, hoặc nhiều hoặc ít, kinh Hoa Nghiêm bốn mươi mốt vị, kinh Anh Lạc năm mươi hai vị, danh nghĩa đều rộng. Kinh này từ đầu đến cuối, đều không có việc này. Vì sao nói khác?

Đáp: Ví như người ở đời làm đủ mọi nghề, tích tụ đủ mọi bảo vật, cầu đủ mọi địa vị, nếu không có thọ mạng thì dùng tài vật địa vị làm gì? Đại kinh nói: "Ví như Trưởng giả sinh nuôi một đứa con duy nhất, thầy tướng xem tướng đứa con, nói mạng nó ngắn ngủi không thể nối dõi, cha mẹ biết rồi bỗng xem như cỏ". Pháp môn cũng như vậy, hành đủ mọi nhân, thâu hoạch đủ mọi quả, hiện đủ mọi thần thông, hóa độ đủ mọi chúng sinh, thuyết đủ mọi pháp, độ đủ mọi người, mà tất cả đều ở trong biển thọ mạng của Như Lai. Ở trong biển thọ mạng, thì chủ yếu là pháp tánh và trí tuệ tương ứng. Chủ yếu nước cùng đổ về một nơi, còn danh xưng là cỏ, thì chẳng khác là gì!

Phần rộng khai cận hiển viễn, văn chia làm hai: 1. Răn tin. 2. Chánh đáp. Đức Phật chỉ luận bàn răn bảo, chúng thọ nhận, là tin. Văn đây có ba lần răn bảo, ba lần thỉnh, một lần thỉnh lại, một lần răn lại Tích môn: ba lần thỉnh, một lần răn bảo. Trong đây bốn lần thỉnh, bốn lần răn bảo. Trước sau hợp lại có năm lần răn bảo bảy phen thỉnh. Đây là việc lớn đặc biệt, có sự ân cần trịnh trọng như vậy.

"Thành" là trung thành, "đế" là thẩm thực, lời nói không dối chúng sinh, tức là chân thật. Xưa thất phương tiện tùy ý người khác mà nói, chẳng bảo thành thật. Nay tùy ý mình mà chỉ bày là chủ yếu, nên nói "thành đế". Bồ-tát đã phụng mạng, thành thật khuyên răn không dám nghi ngờ, nghe ắt phải tin, tin nhận lời nói thành thật.

Phần Chánh đáp có trường hàng và kệ tụng. Trường hàng có hai: 1. Pháp thuyết. 2. Thí thuyết.

Pháp thuyết có hai: 1. Ba đời lợi vật. 2. Tổng kết ý không dối gạt.

Cận tình chỉ thấy hiện tại tám mươi năm, mà không biết quá khứ vô số, vị lai bất diệt, cho nên căn cứ ba đời khai cận hiển viễn. Như thế lợi ích chẳng riêng gì ta, mà chư Phật cũng vậy. Cho nên, tổng kết ý không dối gạt. Trong Pháp thuyết vị lai nói ít. Trong kệ Thí thuyết văn nói nhiều...

Phần Quá khứ lợi vật, văn chia làm hai: 1. Từ "Sức bí mật thần thông của Như lai" trở xuống: tình chấp (gần) cận. 2. Từ "Nhưng, Thiện nam tử" trở xuống: phá cận hiển viễn. Phần một lại chia làm ba: 1. Pháp sở mê. 2. Chúng năng mê. 3. Mê viễn.

"Bí mật": một thân tức ba thân, gọi là "bí", ba thân tức một thân, gọi là "mật". Lại, điều mà xưa không thuyết, gọi là "bí", chỉ có đức Phật tự biết, gọi là "mật". "Thần thông lực": là dụng của ba thân. "Thần" là lý thiên nhiên, bất động, tức Pháp tánh thân. "Thông" là trí tuệ bất tư nghì không bị ngăn che, tức Báo thân. "Lực" là tài năng ứng dụng tự tại, tức Ứng thân. Đức Phật ba đời đồng có ba thân, ở trong các giáo đã bí mật không truyền, cho nên tất cả thế gian thiên nhân Tu-la cho rằng "nay đức Phật mới ở nơi cây Bồ-đề đắc ba thân này, cho nên chấp gần vì nghi xa". Trong đây thuyết vốn không đề cập đến Nhị thừa mà chỉ đối với Bồ-tát. Bồ-tát nhiếp gồm Nhân, Thiên, Tu-la trong ba đường thiện, còn ba đường ác tội nặng căn độn ít trí không biết nghĩa nói như đây. Cho nên kinh Đại Phẩm chỉ nói Ma-ha-diễn thắng xuất Thiên, Nhân, A-tu-la, cũng không nói ba đường.

Bồ-tát có ba hạng: Hạ phương, Tha phương, Cựu trú. Hạ phương tức các Bồ-tát được hóa độ ngày xưa, cho nên gọi là không chấp. Tha phương, Cựu trú đều có hai thứ: 1. Từ Pháp thân ứng sinh, đời trước đã đắc Vô sinh, hoặc trước đã nghe phát Tích hiển Bản, nếu chưa được nghe thì báo tận, thọ pháp tánh thân. Ở nơi pháp thân địa, tự ứng được nghe thuyết lâu dài, cho nên ứng sinh Bồ-tát, phần nhiều gọi là không chấp gần. 2. Đời nay mới đắc Vô sinh nhẫn và người chưa đắc, đều có nói ở đây.

Từ "Nhưng, thiện nam tử! Ta thật thành Phật đến nay"trở xuống: nêu phá chấp bỏ mê để hiển Bản lâu xa, văn trên nói "lời răn bảo chắc thật" là đây vậy. Phần này chia làm hai: 1. Hiển viễn. 2. Từ: "Từ đó nhẫn nại" trở xuống: nêu quá khứ lợi vật thích nghi. Phần Hiển viễn chia làm hai: 1. Pháp thuyết hiển viễn. 2. Nêu thí dụ cách lượng pháp thuyết. Thành Phật đến nay rất là lâu xa. Nghĩa Thành-già-da cận tức phá. Phá cận hiển viễn, lược có mười ý, như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói v.v... Văn đây chính dùng phá cận hiển viễn. Phá cận, nghĩa

là tình phế cận. Hiển viễn, tức phế bỏ cận giáo vậy.

Trong Thí lại có ba: 1. Nêu thí dụ và hỏi. 2. Đáp. 3. Hợp hiển bày nghĩa: lâu dài. Các kinh khác hoặc nêu số bất khả thuyết, trần sa... làm dụ. Phương pháp như đây, đây chính là nhiều. Các thế giới bị điểm bằng một bụi trần, đã là bất khả thuyết. Huống là các thế giới không bị điểm bằng một bụi trần, mà có thể tính được sao? Các thế giới bị điểm và không bị điểm bằng một bụi trần đó, đều nghiền thành vi trần, thì số vi trần ấy há có thể tính được ư? Huống là vượt quá số vi trần ấy, thì làm sao nói? 2. Từ " Di-lặc Bồ-tát"trở xuống: đáp. Nêu ba hạng người không biết. 3. Hợp thí, như văn.

Từ "Từ đó nhẫn lại" trở xuống: nêu rõ lợi vật thích nghi, lại có ba: 1. Nơi lợi vật. 2. Quét sạch mối nghi chấp Tích bên trên. 3. Từ "Nếu có chúng sinh nào đến chỗ ta" trở xuống: chính nêu lợi vật thích hợp.

Cần phải hiển bày nơi chốn: Trên dẫn dụ "rất lâu xa", thì lâu ở nơi nào? Cho nên nói: "thường ở cõi này và cõi khác" mà làm Phật sự, như văn. Từ "Ở chặng giữa đó" trở xuống: quét sạch nghi chấp tích, nghi nhân nghi quả. Giáo xưa thuyết xứ xứ đều hành nhân, lại xứ xứ được thọ ký tức là nghi quả. Nay quét trừ nghi này. "Ta nói Phật Nhiên Đăng" tức quét trừ nghi nhân. Lại nữa, nói "có các đức Phật nhập Niết-bàn" tức quét quả nghi. Nhân quả như thế không phải một điều nữa, đều là do ta phương tiện chẳng phải thật thuyết, cho nên nói quét nghi.

Hoặc có người nói: "Phương tiện nói đức Phật Nhiên Đăng là thầy ta, nhưng thật là đức Thích-ca hiện làm. Chẳng phải sinh mà hiện sinh, chẳng phải diệt mà hiện diệt, cho nên "lại nói có các đức Phật kia nhập Niết-bàn". Nay nói không như vậy chỉ chọn giải thích trước. Vì sao? Vì vào thời đức Phật Nhiên Đăng thế các chúng sinh duyên thuần thục, dùng Phật tượng hóa độ, duyên ta chưa thuần thục nên chỉ làm Bồ-tát theo hầu Phật và được thọ ký, được thọ ký tức là nghĩa quả. Hành hạnh tức là nhân, hiểu được văn thì tự đầy đủ. "Nói các vị kia" tức là "ở chặng giữa đó" người thiết lập giáo hóa chẳng gọi là đức Phật Nhiên Đăng. Lại nữa, ở chặng giữa lợi vật tức là có hình sắc có âm thanh cả hai đều lợi ích. Nếu nói: "Gặp Phật Nhiên Đăng", đây tức có ích về hình. "Lại nói có các đức Phật kia nhập Niết-bàn", nghĩa là đức Phật kia sau khi diệt độ, trợ giúp Phật hoằng hóa tức có lợi ích về âm thanh. Nếu vậy hình sắc và âm thanh đều lợi ích, đều thuộc nhân trung gian. Đã có hình sắc và âm thanh là sinh, có sinh ắt có tử, tử tức nhập Niết-bàn, gọi đây là quả. Không được nói "ở chặng giữa đó" đã thành Phật quả. Vì sao? Vì trước Pháp Hoa chưa nói thành Phật, sao lại nghi

có Phật quả! Xưa cho là "đức Phật Nhiên Đăng là do ta hiện làm", đây cũng không phải là hiểu. Vì các kinh trước kinh Pháp Hoa chưa luận "xưa đã thành Phật". Vì sao giáo nói đức Nhiên Đăng là ta hiện làm, mà quét trừ cái nghi này ư ?

Từ "Nếú có chúng sinh nào đến chỗ ta" trở xuống: chính nêu lợi ích thích nghi, lại chia làm hai: 1. Cảm ứng. 2. Thiết lập giáo hóa. "Đến chỗ ta" tức là chúng sinh trong quá khứ có hai căn cơ tiệm đốn ngầm bám lấy Pháp thân. "Dùng Phật nhãn quán sát" tức là từ lâu đã thành Phật, dùng Phật nhãn soi chiếu không có sai sót, sắp muốn khởi hai Ứng thân thắng liệt mà làm lợi ích. Căn cơ thiện gồm có hai lực: 1. Cảm Nhân Thiên hoa báo. 2. Cảm Phật đạo quả báo. Nếu dùng Pháp nhãn quán sát, thì biết vạn thiện duyên với chúng sinh dù nhiều hay ít, đều được hoa báo, mà không thể rốt ráo biết, chúng sinh ấy cuối cùng đắc quả báo là Chủng trí. Nếu dùng Phật nhãn Viên chiếu vạn thiện, thì biết chúng sinh từ đầu đến cuối. Kinh này hoàn toàn nêu Phật nhãn quán sát biết chúng sinh vạn thiện cứu cánh đắc Phật, ý chính là vì một đại sự xuất thế. "Các căn Tín v.v..." tức năm căn: Tín v.v... Tuệ căn tức liễu nhân, các căn còn lại tức duyên nhân. Hai thiện căn này đều có lợi độn, thông nhiếp cơ duyên đốn tiệm. Đốn cơ lợi độn, tức là căn cơ Viên giáo, Biệt giáo. Tiệm cơ lợi độn, tức là cơ duyên theo Tạng giáo, Thông giáo. Lại, căn Tiểu thừa gọi là độn, căn Đại thừa gọi là lợi. Lại, căn Tiểu thừa gọi là lợi, nhân thiên thừa gọi là độn. Chúng sinh trong mười pháp giới có thiện căn lợi độn, làm cơ. Không dùng ác pháp, vì ác pháp chẳng phải là duyên nhân và liễu nhân. Đức Như Lai đều chiếu soi căn cơ thiện khắp mười pháp giới, "tùy theo chổ đáng độ" mà hiện hình sắc và âm thanh làm lợi ích.

Từ "Nơi nơi tự nói" trở xuống: chính nêu ứng hóa thích nghi, lại có hai: 1. Hình sắc và âm thanh làm lợi ích. 2. Được lợi ích hoan hỷ.

1. Hình lợi ích lại có hai: 1. Nêu rõ phi sinh hiện sinh. 2. Phi diệt hiện diệt. "Tự nói danh tự không đồng": hình kia đã hiện thì có danh tự, do danh tự mà dẫn đến hình thể. Cơ có tốt xấu, hình có hơn thua. Hình sai khác nên danh không đồng. "Niên kỷ lớn nhỏ", tức hình hơn thua. Hình hơn tức Thắng ứng thân, hình kém tức Liệt ứng thân. Danh không đồng tức là hai đức Phật hiện thọ hữu lượng vô lượng. "Nơi nơi": luận theo chiều dọc thì các cõi nước hành nhân ở khắp nơi trong quá khứ; luận theo chiều ngang tức cõi nước mười phương. "Danh tự không đồng" căn cứ nơi chốn theo chiều dọc, cũng có "Sinh pháp" danh tự không đồng, như ứng thân nay hướng về đức Phật Nhiên Đăng quá khứ... Căn cứ cõi

nước theo chiều ngang thì cũng có "Sinh pháp" danh tự, như nay hướng về phân thân. Cũng như thập hiệu trong kinh Hoa Nghiêm liệt nêu đức Thích-ca bao nhiêu tên khác không đồng. Lại, các kinh nêu Phật có ba thân danh tự không đồng, dẫn đến pháp thể cũng đều khác. Hoặc nói Tỳ-na, hoặc Xa-na hoặc Thích-ca, pháp thân Phật hoặc gọi Như như thật tướng, Đệ nhất nghĩa, Bát-nhã, Lăng-nghiêm v.v... cùng bày ra. Đây là căn cứ thân Phật thị hiện khắp pháp giới mà danh tự không đồng. Nếu hiện thân trong chín pháp giới danh tự không đồng, thì "vô lượng vô biên" có thể dùng để đạt ý. "Niên kỷ lớn nhỏ": đây là nêu thọ mạng dài ngắn, theo ứng thân hiện như trên. Hoặc nói thọ hai vạn năm, như thời Phật Ca-diếp; hoặc nói thọ tám vạn như thời Phật Di-lặc, truyền nêu xen lẫn lớn nhỏ dọc ngang, có thể biết. Căn cứ Pháp, Báo, Ứng thân Phật, thọ mạng lớn nhỏ như Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói v.v... Hoặc là ba thân hướng vào nhau mà phân rõ lớn nhỏ. Hoặc là ba thân, mà mỗi thân phân biệt đều là nhỏ, hợp thuyết gọi là lớn. Ví như ba phen im lặng... Đây đều tùy đối tượng đáng độ mà vì họ hiện thân và thọ mạng dài ngắn đó thôi! "Cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn": Nên dùng diệt độ mà độ người đáng độ, thì hiện diệt độ, khiến họ quyến luyến, ngưỡng mộ mà được giải thoát. Nghĩa này được nêu trong Thí thuyết bên dưới.

"Lại, dùng các thứ phương tiện mà thuyết pháp vi diệu": là hiện âm thanh làm lợi ích. Thân nhỏ, thọ mạng ngắn, tức là thuyết Tiệm giáo, cho nên nói "các thứ phương tiện". Thân lớn, thọ mạng dài, tức là thuyết Đốn giáo, cho nên nói "thuyết pháp vi diệu". Tuy ban đầu dùng Tiệm giáo mà cuối cùng khiến nhập Đại thừa, cho nên nói "đều khiến được hoan hỷ". Nhưng hoan hỷ ở đây là thiết lập giáo hóa được lợi ích. Đức Phật y tứ Tất-đàn thiết lập hai điều lợi ích về hình sắc và âm thanh, làm cho chúng sinh thâu hoạch bốn điều lợi, xứng căn cơ thì vui, trái căn cơ thì buồn. Văn dưới nói "đều thật chẳng dối", tức là nghĩa đây.

Từ "Các thiện nam tử ! Như Lai thấy những chúng sinh" trở xuống: là hiện tại Sư tử phấn tấn lợi vật, Tam-muội này có mười công đức: 1. Phân biệt người khác các căn thuần thục hay không thuần thục, thanh tịnh hay không thanh tịnh. 2. Dùng pháp luân Như Lai giáo hóa cho người chưa được độ đều nhập pháp luật. 3. Hoằng thệ cùng khắp mười phương, âm thanh cũng như vậy. Hoặc một âm thanh vang khắp hoặc trăm ngàn vạn âm thanh cũng vang khắp, dạy bảo khắp các loài. 4. Chuyển Vô thượng luân giáo hóa chúng sinh đều được diệt độ. Những người khác không thể chuyển, chỉ có đức Phật mới có thể chuyển. 5.

Năng chỉ bày người cắt tóc xuất gia giữ gìn tịnh giới, cũng có thể khiến người an vui. 6. Tánh hạnh hợp Không. 7. Phóng hào quang thị hiện diệt, hoặc còn hoặc mất, hoặc bày tướng tốt hoặc ẩn tướng tốt. 8. Hàng phục bốn ma. 9. Khiến người khác đắc nhập trọng yếu, tăng trưởng Chỉ, Quán. 10. Tôn trọng đầy mười điều thiện là căn bản, thân ba khẩu bốn v.v...

Văn đây chia làm hai: 1. Cơ cảm. 2. Ứng hóa.

"Như Lai thấy" tức Phật nhãn soi chiếu. "Các chúng sinh ưa pháp Tiểu thừa": đối tượng bị thấy là căn cơ chúng sinh. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Đại chúng tuy thanh tịnh, nhưng những người ưa pháp Tiểu thừa ấy hoặc sinh nghi hối hận, đêm dài lo buồn. Đức Phật vì thương xót họ, nên im lặng". Kệ nói: "Bọn ấy hành chưa lâu, trí tuệ chưa sáng suốt, y thức bất y trí, nghe rồi sinh lo hối, họ sẽ đọa đường ác, thương họ nên không nói". Xét rằng: Kinh kia không có Thanh văn nhị thừa, nhưng chỉ "người tu hành không lâu" là "người ưa pháp Tiểu thừa" đó vậy. Sư nói: "Ưa tiểu thừa, chẳng phải là người Tiểu thừa, mà người ưa Cận thuyết là người Tiểu thừa". Nay sẽ nói chung, cái gọi là "Tham ái hai mươi lăm cõi" tức căn cơ nhân thiên, "đến chỗ ta" gọi là "ưa Tiểu pháp". Tham ưa Niết-bàn cầu tự giải thoát, tức căn cơ nhị thừa "đến chỗ ta", cũng gọi là "ưa tiểu pháp". Ưa tiệm thứ cách xa Phật đạo, tức căn cơ thứ ba Bồ-tát "đến chỗ ta", cũng gọi là "ưa Tiểu pháp". "Đức mỏng": là cả hai duyên nhân và liễu nhân công dụng thiện thấp kém. Văn dưới nói: "Các con thơ dại" là nghĩa này. "Tội nặng": Kiến hoặc và Tư hoặc chưa trừ.

Hỏi: Phi sinh hiện sinh, thiết lập đầy đủ hai cách giáo hóa đốn tiệm. Thất phương tiện... có thể "ưa Tiểu pháp", viên đốn hợp căn cơ thì phải "ưa Đại pháp". Vì sao gọi chung là "ưa Tiểu pháp" ?

Đáp: Hướng lược ý kia nay rộng giải thích, phàm làm bốn nghĩa: 1. Căn cứ ngày trước tuy phát tâm Đại thừa mà không chuyên tinh, phần nhiều mê đắm dục xấu không được xuất thế. Gọi dục xấu là pháp Tiểu thừa. 2. Căn cứ hiện tại, như Phật chưa xuất thế các hàng Thiên, Nhân tuy có căn cơ Đại thừa mà tâm ham đắm thế gian tà kiến, cho nên gọi là "ưa Tiểu pháp". Hai nghĩa đây đồng với ý trong thí dụ bên dưới: "lăn lộn trên đất". 3. Căn cứ sự tu hành, tuy không ưa dục xấu Tiểu pháp trong tam giới, mà ưa "Khôi đoạn" của Tam thừa, cũng gọi là Tiểu pháp. Tuy không ưa cận quả tam thừa, mà ưa trải qua Biệt tu nhất thừa, nhưng không thể nhất tâm Viên đốn phổ tu, cho nên gọi "ưa Tiểu". Ba ý này là căn cứ nhân môn mà nêu ưa pháp Tiểu thừa. 4. Căn cứ quả môn,

ưa nghe Tiểu thừa Cận thành, tức là ra khỏi cung họ Thích mới đắc Bồ-đề, mà không muốn ưa nghe đạo Đại thừa lâu xa, cho nên nói "ưa Tiểu pháp". Những người tâm Tiểu thừa này chẳng phải mới ngày nay. Nếu trước ưa Đại thừa, thì đức Phật không nói "mới thành". Nói "mới thành" ấy, đều là vì những người ưa pháp Tiểu thừa.

Từ "Đức Phật vì người đó nói" trở xuống, là hiện tại ứng hóa, chia làm hai: 1. Phi sinh hiện sinh. 2. Phi diệt hiện diệt.

Phi sinh hiện sinh lại có hai: 1. Hiện sinh. 2. Lợi ích.

Hiện sinh lại có hai: 1. Hiện sinh. 2. Phi sinh.

Hiện sinh: Tích hiện tại sinh, phi sinh là chẳng phải mới sinh. Vì người ấy mà nói "ta mới đắc Bồ-đề" nên trước nêu hai hạng căn cơ lợi độn cảm đến Pháp thân, nay thì hiện Thắng và Liệt ứng thân. Liệt ứng thân ứng với độn căn, Thắng ứng thân ứng với lợi căn. Ứng với hai hạng này đều có Sinh thân Pháp thân sinh. Liệt ứng hai thân sinh, dùng chánh tuệ thác thai, (xuất) sinh ra đi bảy bước như Ca-chiên-diên tử thuật lại, cho đến sáu năm khổ hạnh trở lại đó gọi là Sinh thân sinh. Pháp thân sinh tức ba mươi bốn tâm đoạn kết, tập khí tận, đắc ngũ phần Pháp thân. Thắng Ứng sinh thân sinh: như các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm nói: "Cùng các Bồ-tát ở trong thai Ma-da, thường thuyết Đại thừa, sinh ra đi khắp mười phương mỗi mỗi đều bảy bước, đó gọi là Sinh thân sinh. Pháp thân sinh: Là ở nơi Tịch diệt đạo tràng, tâm sau Kim cang, đoạn tận vô minh, đắc Diệu giác tương ưng tuệ, chiếu cùng tận pháp tánh, vạn đức chủng trí tròn đầy sáng suốt cùng khắp, đó gọi là Pháp thân sinh.

"Xuất gia": Liệt ứng thân thì ra khỏi nhà Phân đoạn sinh tử, Thắng ứng thân thì ra khỏi hai nhà sinh tử . "Đắc Bồ-đề: Liệt ứng thân đắc "Hữu tác Tứ đế" phát khởi Vô lậu trí, Tận trí, Vô sinh trí, gọi là Bồ-đề; Thắng ứng thân tức chiếu đạo Nhất thật của Tam đế, Nhất thiết chủng trí làm Bồ-đề. Từ "Nhưng thật sự ta thành Phật" trở xuống: là nêu Bản thật bất sinh, chỉ thiên nhân tu-la, thấy hai thứ Sinh Pháp hai thân, gọi là mới sinh. Đây thì không như vậy,ta từ lâu đã đắc hai thân Sinh, Pháp này. Ngày nay sinh chẳng phải thật sinh cho nên nói: "lâu xa dường ấy". "Dường ấy" là " lâu dài" như thí dụ trên. "Chỉ dùng phương tiện" trở xuống: nêu đã chẳng phải thật sinh vì sao hiện sinh? Vì lợi ích cho người ưa Tiểu pháp đức mỏng tội nặng, khiến họ thành Phật đạo, cho nên nói: "Chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sinh. "Nên nói như thế": phi sinh mà hiện sinh cho nên nói "nên nói như thế".

Các kinh khác phá Liệt ứng Sinh thân sinh phi sinh, chứ không thể

phá Liệt ứng Pháp thân sinh phi sinh. Kinh này chính phá Thắng ứng Pháp thân sinh phi sinh. Vì sao? Vì "từ ta thật thành Phật đến nay, lâu xa dường ấy", cho nên biết ngày nay cả hai Liệt và Thắng pháp thân sinh đều bị phá, nên sinh phi sinh vĩnh viễn khác với các kinh khác.

Từ "Kinh điển của Như Lai nói ra" trở xuống: nêu dùng hình sắc và âm thanh làm lợi ích cho chúng sinh đời hiện tại, chia làm hai phần: Trước nêu hình sắc và âm thanh, tiếp nêu Không dối. "Thuyết" tức dùng âm thanh thuyết giáo. "Thị" tức dạy bằng hình thức qui cũ. Hình sắc và âm thanh không ngoài mình và người khác. Nếu nói Pháp thân, thì "nói thân mình". Nếu nói Ứng thân, thì là "nói thân người". Lợi ích nói "gặp đức Phật Nhiên Đăng", tức là "nói thân mình", "Phật Nhiên Đăng là thầy ta", là "nói thân người". Thị hiện chánh báo là "chỉ việc mình", thị hiện y báo là "chỉ việc người". Tùy ý người mà nói là "nói thân người", tùy ý mình mà nói là "nói thân mình"."Chỉ việc người" và "chỉ việc mình" cũng giống như đây. Từ "Các lời nói ấy đều thật chẳng dối"trở xuống, là phần hai: không dối, lại có hai: Trước, nêu Không dối, tiếp Giải thích không dối. Ban đầu riêng căn cứ âm thanh lợi ích không dối mà giải thích, tức cả hai giải thích không dối. Ban đầu không dối: hai loại căn cơ tiệm đốn vâng theo hai thứ hình sắc âm thanh này, đều lợi ích chẳng dối. Chương nói quá khứ bên trên nêu đều hoan hỷ, tựa như lợi ích thế giới, nay nêu đều không dối. Hình tiếng của Thắng và Liệt ứng thân hợp với hai hạng căn cơ, thâu hoạch tứ Tất-đàn đều chẳng dối. Đại luận nêu tứ Tất-đàn đều thật, Thế giới tất nhiên thật, Đối trị, Vị nhân tất nhiên thật. Thuần nhất mà luận làm ba, là thế gian thật thì thật này tức giả dối, trong duyên cũng có thế gian ba thật và Đệ nhất nghĩa tức giả dối, Nếu dùng cái thật giả này dựa vào hai môn Bản Tích, thì tiệm đốn lợi ích là giả thật. Xưa tu hành theo phương tiện, chưa được lợi ích của đạo thật, tức là nhân kia hư dối. Chấp vào cận Tích chưa được lợi ích Bản địa chân thật, tức là quả hư dối. Nay nghe thuyết Tích môn đồng nhập thật tướng, tức được lợi ích thật trong Nhân. Nghe thuyết Bản môn tức trừ tình chấp cận, được lợi ích thật của quả địa lâu dài. Nay đắc hai thật đối với hai dối xưa là căn cứ vào chúng sinh viên đốn. Đối với Tích môn Bản môn, một thật một dối, mà đắc hành Trung đạo, đó là đắc lợi ích thật trong Nhân mà chấp quả cận, là giả dối về quả. Nay nghe thuyết nhân lại không riêng được lợi ích chân thật, nghe thuyết quả viễn (xa) thì được lợi ích quả thật. Xưa có một giả dối, nay đắc một thật, cho nên nói "đều thật chẳng dối".

Hỏi: Xưa nay Đại thừa hiển thật tướng, mà người ngộ thì có trước

sau, vậy phải có sai khác?

Đáp: Ban đầu nhập, kế tiếp nhập, cho đến phá bỏ thảo am, cùng nhập Trung đạo. Chỉ vì nhập có tiệm đốn cho nên phân hai giáo, ví như nhập Chân đế, người độn căn thì dựa vào quán phân tích pháp vô thường... Người lợi căn thì quán thể pháp không, cho nên phân ra làm Tạng, Thông vậy.

Từ "Vì sao? Vì Như Lai đúng như thật thấy biết" trở xuống, là tổng giải thích lợi ích vật chẳng hư dối. Trước hết là giải thích hình sắc lợi ích, tiếp theo là giải thích lời nói lợi ích không dối. Trong đây có sáu câu hiển bày Ứng thân không lìa Pháp thân, Pháp thân không hình tướng cũng không khởi diệt, căn cơ chúng sinh có khởi diệt cảm Pháp thân, vì nguyện lực Như Lai nên tương ứng đồng khởi diệt. Cái thấy khởi ra từ chúng sinh, cho nên căn cứ ba cõi mà nêu các câu. Lại chia làm hai: 1. Chiếu lý không dối. 2. Từ "Bởi vì các chúng sinh"trở xuống: nêu Xứng cơ không dối. Đạt lý xứng cơ thiết lập giáo hóa chúng sinh chắc chắn chẳng dối gạt.

"Đúng như thật thấy biết" tức là thật trí. Như lý mà chiếu sự thật của ba cõi, thật thì không có nhân tướng của ba cõi. "Không có sinh tử": là không có khổ của hai thứ sinh tử. Khởi Tập gọi là "thoái", vô thường quả hiện gọi là "xuất". Cũng "không ở đời" sinh tử "và nhập diệt" Niết bàn. Hai thứ này đều diệt, cho nên nói "cũng không ở đời và diệt độ". Chẳng phải diệt độ là thật, chẳng phải sinh tử là hư, cho nên nói "chẳng phải thật chẳng phải hư". Chẳng phải thế gian là riêng biệt khác thường, chẳng phải xuất thế là chân như, cho nên "chẳng phải như chẳng phải khác". Bốn câu này nêu rõ Trung đạo. Nếu cả hai chẳng phải nhị biên, thì kết câu nhất định là nhất biên, ví như phi sinh phi tử thì kết câu là sinh, là sinh là tử thì kết câu là tử, là thoái là xuất thì kết câu là thoái, phi thoái phi xuất thì kết câu là xuất; phi hư phi thật thì kết câu là thật, là hư là thật thì kết câu là hư. Lưu truyền như thế, nay đều chẳng phải thế, cho đến đơn phức và đầy đủ cũng đều chẳng phải như thế, mới hiển ý Trung đạo. "Chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi", không như hai loại chúng sinh trong ba cõi mà thấy tướng ba cõi. Chỉ có đức Phật là người duy nhất biết rõ đến cùng đúng như thật về thật tướng của ba cõi. Trong đầy đủ dụng của Thật trí cũng là "tùy ý mình nói", cũng là "hoặc nói việc thân mình". Cho nên kinh Đại Phẩm nói: "Trong Đệ nhất nghĩa không còn phân biệt". Như Lai Quyền trí như lượng thấy biết tướng tam giới, tức như thấy chúng sinh tam giới, thấy biết như thật không có hai thứ tử mà tùy ý người chỉ bày hai thứ tử thân, nói có hai

thứ tử, không thoái không xuất mà tùy ý người cho nên nói có thoái có xuất, cũng không ở đời và diệt độ mà tùy ý người cho nên thị hiện sinh tử thế gian thị hiện nhập Niết-bàn. Thuyết "có ở đời có đắc diệt", là không thật mà nói Niết-bàn là thật, không hư dối mà nói tam giới là hư dối, tam thế không khác mà nói có khác, không có như của chân đế mà nói có như, "giống như tam giới mà thấy tam giới" đều là tùy ý người nói, gọi là "hoặc nói thân việc người, hiện thân việc người". Nhị trí của Như Lai biết rõ nhị đế, do đó hình tướng lời nói cả hai đều lợi ích, đều là chân thật không hư dối.

Từ "Bởi vì các chúng sinh" trở xuống: giải thích xứng hợp căn cơ, không hư dối. Trước, nêu cơ cảm. Tiếp, luận về thiết lập giáo hóa. Bởi vì các chúng sinh căn cơ lợi độn, tiệm đốn không đồng, các thứ tánh dục hạnh trí đủ loại sai biệt, muốn khiến cho họ được tăng trưởng các thiện căn cho nên nói về mình và người để cho thấy là không dối gạt, dùng nhân duyên thí dụ. Căn tánh tiệm đốn có đủ mọi thứ, đây nên dùng Vị nhân Tất-đàn.Vị nhân Tất-đàn chính làm sinh trưởng các thiện căn. Thiện căn cũng là "tánh", tập dục thành tánh, nay vì sao trước tánh sau dục? Giải thích rằng: "Nhân có căn tánh ngày xưa mà năng khởi ưa muốn ngày nay. Như nhân phiền não cho nên có ngũ ấm, lại nhân ngũ ấm lại có phiền não, không trước không sau. Tánh dục cũng như vậy, chủ yếu là do huân tập dục mà thành tánh. "Dục": Là hai căn cơ tiệm đốn, hoặc là các thứ ưa muốn không đồng, đây cần phải dùng Thế giới Tất-đàn. "Hạnh": là khởi làm hạnh nghiệp, tùy ưa muốn mà tu các hạnh, đây nên dùng Vị nhân Tất-đàn. Trong hạnh mà ham nhiều ái trước đến nổi có sự ngăn chướng, thì đây cần dụng Đối trị Tất-đàn. "Nhớ tưởng": là trí tuệ tức tương tư giải, do tu hành cho nên năng được giải sinh, đây là phương tiện cũng chưa xứng lý vô ngôn thuyết đạo, cũng là quán niệm tưởng. Chúng sinh tiệm đốn ở địa vị nội phàm, ngoại phàm có các thiện căn ưa muốn, vì ưa muốn cho nên tu hành, vì tu hành cho nên đắc tương tự giải, đây cần phải dùng Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Tùy kia được hiểu nhớ tưởng lại mà vì họ thuyết pháp, liền được sáng tỏ ngộ Đệ nhất nghĩa cho đến khi ở Sơ địa mà ưa muốn tu hành Nhị địa, cũng nhớ tưởng cảnh nhị địa tức là "niệm tưởng". Nếu phát sinh thấu hiểu một cách chân chánh về nhị địa, tức là niệm tưởng quán trừ ngôn ngữ pháp diệt, thì cho đến Phật mới chứng đắc cứu cánh lìa nhớ tưởng, thâu hoạch thường tịch chiếu.

Từ "Muốn làm cho sinh các thiện căn" trở xuống: chánh đối căn cơ thiết lập lợi ích do hình tướng và lời nói của mình của mình và của

người. Đối với các thứ căn cơ tiệm đốn, khiến sinh các thứ thiện căn, cho nên hiện bao nhiêu việc thân mình việc thân người, bao nhiêu âm thanh của mình của người để giáo hóa, bao nhiêu nhân duyên thí dụ. Nếu đối căn cơ tiệm, thì dùng bốn môn trong Tam tạng, biết bao nhân duyên thí dụ, ở trong mỗi mỗi môn lại có dường ấy. Như vì người giải đãi nói Khổ nhẫn, vì người ngã mạn mà nói Vô thường nhẫn... Bốn môn Thông giáo cũng như vậy. Nếu đối với hạng căn cơ đốn như Biệt, Viên... thì cũng có bốn môn biết bao nhiêu thứ, như ba mươi hai vị Bồ-tát đều thuyết nhập pháp môn Bất nhị trong Hoa Nghiêm, các thứ hạnh loại tướng mạo, đều vì các thứ căn cơ mà thiết lập "bao nhiêu thí dụ ngôn từ, cac cách thuyết pháp". "Làm các Phật sự chưa từng tạm phế bỏ": Tổng kết ý không dối: Như trên bao nhiêu hình tướng và âm thanh của mình của người đều khiến cho chúng sinh nhập tri kiến Phật không vì việc nhỏ của Nhân, Thiên, Nhị thừa cho nên nói: "làm các Phật sự" Nếu chỉ riêng một người được diệt độ, những người khác không được, thì chỗ làm Phật sự có phế bỏ tức khiến cho chúng sinh không được thật lợi ích, thì sao hợp với "đều thật chẳng dối" được? Thế nào là "đều thật"? Xưa nói: Ta ngồi đạo tràng không đắc một pháp thật, Thất phương tiện đều chẳng phải cứu cánh diệt. Hai thứ Niết-bàn là phương tiện, là nắm tay không (không quyền). Cho nên chỉ biết có hư dối chưa thấy "đều thật". Nếu xưa thiết lập bảy quyền bèn không được nhập một thật thì có thể nói đó là hư dối. Dối gạt dẫn ra, không có dối gạt ra mà không nhập thật, cho nên biết xưa dối gạt làm thật. Đều là thật chẳng hư dối làm Phật sự không bỏ phế là nghĩa đây vậy.

Từ "Như thế từ ta thành Phật đến nay rất lâu xa" trở xuống: nêu phi diệt hiện diệt, lại có hai: 1. Phi diệt hiện diệt. 2. Từ "Đức Như Lai dùng phương tiện" trở xuống: lợi ích của hiện diệt.

Phi diệt hiện diệt lại có hai: 1. Nêu Bản thật bất diệt. 2. Từ "Nhưng nay" trở xuống: trong Tích xướng diệt.

Từ "Từ ta thành Phật đến nay" trở xuống: nêu quả vị thường. "Thường trụ bất diệt", dựa vào bốn chữ này nêu rõ đời vị lai thế lực oai mạnh "thường trụ" lợi ích chúng sinh. "Ta xưa tu hành..." là nêu nhân so sánh quả để nêu rõ "thường trụ". Người xưa căn cứ đây để chứng minh vô thường nói: "Trước trải qua hằng sa số kiếp, sau gấp bội hơn số trên, thần thông kéo dài tuổi thọ cũng là vô thường". Đây là chấp thủ ý văn một cách kỳ quặc, phạm lỗi lầm lớn! Kinh nêu nhân so sánh quả, quả chẳng tính được. Kinh dạy: "Từ lâu tu hành nghiệp đắc thọ mạng vô số kiếp, chẳng phải thần thông kéo dài thọ mạng. Vì sao? Vì đức Phật tu

Viên nhân, khi đăng Sơ trụ thì đã đắc thường thọ. Thường thọ thì rất hơn thọ, đã gấp bội số trên, huống chi lại là quả! Tại sao lại bỏ so sánh quả! Nếu chấp nhân có thể so sánh, ví dù làm tốt nhân này thì đã là thường, tức không phải vô thường. Như Thái tử lúc bấy giờ lộc hưởng không thể hết, so với lên đến địa vị tôn quí tột cùng thì lộc dùng sao có thể hết!. Văn đây nêu rõ, đâu cần quay lại nghi lầm đời sau!

"Nhưng nay chẳng thật"... là nêu trong Tích xướng diệt. Ba thân đều có nghĩa phi diệt xướng diệt. Như kinh Tịnh Danh nói: "Pháp vốn bất sinh, nay thì vô diệt" tức là Pháp thân phi diệt. Lại nói: là nghĩa tịch diệt tức là xướng diệt. Vì sao? Vì nếu đã hiểu rõ nghĩa, thì không xướng tịch diệt; vì người chưa hiểu nên xướng đó thôi! Nếu nói chiếu tịch tức là xướng diệt, nếu nói tịch chiếu tức là xướng sinh. Phàm là Pháp thân tuy phi sinh phi diệt mà cũng có sinh diệt. Nếu mê tâm chấp trước, thì phiền não sinh mà trí tuệ diệt. Nếu giải tâm không nhiễm, thì trí tuệ sinh phiền não diệt. Diệt hoặc sinh giải, đây tức là Vô thường diệt. Nếu giải sinh, hoặc diệt thì tức là Tịch diệt. Sinh diệt đây đều căn cứ pháp tánh mà nói. Nếu không có hai duyên mê và giải, thì không xướng có sinh diệt này. Báo thân phi diệt xướng diệt: Ai có trí tuệ, ai có phiền não mà nói trí tuệ năng phá? Đây tức sáng tối không loại trừ nhau, tức nghĩa Báo thân bất diệt. Chúng sinh chưa hiểu, nghe đây liền cho đó tức là Phật mà sinh tâm kiêu mạn phóng túng, không còn tu đạo, cho nên Phật lại xướng nói: "Đạo năng diệt hoặc". Khi có phiền não thì không có trí tuệ, khi có trí tuệ thì không có phiền não. Lẽ nào chẳng phải trí tuệ mà diệt được phiền não ư? Ứng thân phi diệt xướng diệt: Ứng thân là dụng của Pháp, Báo thân. Thể đã không diệt thì dụng lẽ nào cùng tận? Tức Ứng thân bất diệt. Nhưng vì chúng sinh nếu thường thấy Phật thì sinh kiêu mạn phóng túng, cho nên Phật xướng rằng: "Ta trong đêm nay sẽ diệt độ". Lại, Pháp thân đương thể rõ ràng là bất diệt. Báo thân nói bất diệt, ắt căn cứ Pháp thân. Dùng lý mà luận trí tuệ năng phá. Vì "đến" cho nên phá "không đến", phá vì chung hay vì riêng? Như đây mà suy, thì lý không có công năng phá, tức nghĩa trí tuệ không diệt hoặc. Có trí tuệ thì không có phiền não, tức là trí tuệ năng diệt hoặc. Ứng thân nói bất diệt, cần phải dựa vào Pháp Báo thân. Pháp, Báo thân thường nhiên, Ứng thân dụng không dừng; chúng sinh không hết, thì không diệt độ. Nếu Pháp thân đương thể luận bất sinh diệt, Báo thân liễu đạt không năng sinh diệt, thì Ứng thân tương tục không sinh diệt...

Từ "Đức Như Lai dùng phương tiện đó giáo hóa" trở xuống, nêu thị hiện diệt làm lợi ích chúng sinh. Lại có hai phần: 1. Không diệt độ

thì chúng sinh có tổn hại. 2. Từ "Đức Như Lai dùng phương tiện nói: Tỳ-kheo phải biết" trở xuống nêu: Nếu xướng diệt độ thì lợi ích cho chúng sinh.

Phần đầu lại chia làm hai: 1. Không diệt thì có tổn hại. 2. Rộng giải thích không diệt độ.

- Có tổn hại: Như trước nói "người ưa Tiểu pháp", thấy Phật thường còn, cho nên "không gieo trồng thiện căn, bần cùng hèn hạ". Không sinh hai thứ thiện, cho nên không có lợi ích. Kiến, Tư hoặc không đoạn; không đoạn hai thứ ác, thì có tổn hại. "Tham trước ngũ dục, sa vào trong lưới nhớ tưởng": Nhớ tưởng tức là Kiến hoặc, ngũ dục tức Tư hoặc. Do các chúng sinh tội nặng này, cho nên cần phải xướng diệt. Không xướng diệt thì hai món ác sinh mà không diệt, hai món thiện tổn hại mà không sinh. Nếu giải thích theo nghĩa Tứ Tất-đàn: Hiện diệt thì hai ác diệt, hai thiện sinh. Vì diệt hai ác nên dùng Đối trị và Đệ Nhất nghĩa. Đệ Nhất nghĩa thì diệt cái ác chưa sinh. Đối trị thì diệt cái ác đã sinh. Thế giới Tất-đàn và Vị nhân Tất-đàn sinh hai món thiện: Thế giới sinh cáithiện chưa sinh, Vị nhân sinh cái thiện đã sinh. Lại, Thế giới diệt cái ác đã sinh, Đối trị diệt cái ác chưa sinh. Như thiền ngũ ấm thì diệt cái ác của Dục giới, tức là Thế giới Tất-đàn thì diệt cái ác đã sinh, Vị nhân thì sinh cái thiện đã sinh. Đệ nhất nghĩa thì sinh cái thiện vô vi chưa sinh.

Từ "Nếu thấy đức Như Lai" trở xuống: giải thích rộng. "Nếu thấy Phật thường còn, thì sinh tâm buông lung kiêu mạn", cho nên có tổn hại, "không thể sinh lòng cung kính", cho nên không lợi ích. "Buông lung, kiêu mạn" thì tăng Kiến hoặc. "Nhàm trể" thì sinh Tư hoặc. "Không sinh tưởng khó gặp Phật", tức không thể sinh giải kiến đế. "Không cung kính" tức không thể sinh tư duy đạo, vì nghĩa này, cho nên cần phải thị hiện diệt độ. Nếu chúng được nghe ba đức Phật bất diệt thì chúng sẽ buông lung kiêu mạn", liền cho rằng chúng sinh như Di-lặc, như một, như không có hai, như bình đẳng, tức chân. Do đó mà sinh tâm thượng mạn kiêu căng, cho rằng tất cả phiền não vốn tự không sinh, nay cũng không diệt cần gì tu đạo, tức liền mặc tình phóng túng. Vì thế lời Phật xướng lên là nghĩa tịch diệt. Lại, nghe tất cả chúng sinh tức tướng Bồ-đề, tướng Bồ-đề tức tướng phiền não, như sáng tối không loại trừ lẫn nhau, hiển xuất Phật Bồ-đề, chúng sinh nghe điều này liền khởi tâm kiêu mạn, buông thả, không còn tu thiện, biếng nhác phóng túng. Vì những hạng người này cho nên Phật xướng lên nói: Trí tuệ Báo thân năng diệt phiền não, trí Phật Bồ-đề năng diệt sức vô minh lớn. Ứng thân phi diệt hiện diệt thì dễ hiểu. Hoặc xướng nói: "Pháp vốn không

sinh nay cũng không diệt, chủ yếu cần phải diệt Hoặc, mới là tịch diệt". Kinh dạy: "Trí tuệ không diệt phiền não nhưng khi sáng thì không có tối". Ông nay đầy đủ phiền não thì làm sao có trí tuệ được? Phải biết trí tuệ năng diệt chướng hoặc. Chúng sinh nghe xướng diệt như vậy, liền đối với ba đức Phật khởi tưởng khó gặp, khởi tâm cung kính.

Từ "Cho nên, đức Như Lai dùng phương tiện" trở xuống: nêu xướng diệt có lợi ích, chia làm hai phần: Một, tán thán Phật khó gặp. Hai, giải thích khó gặp. Ba Phật đều khó gặp. Chúng sinh ưa đắm pháp Tiểu thừa thì Kiến Tư chướng nặng, nghe ba thân bất diệt, thì không tu đạo, khó được khế hợp. Từ "Vì sao?" Trở xuống, là giải thích khó gặp. "Những người đức mỏng trải qua trăm ngàn kiếp, hoặc có thấy Phật hoặc không thấy": nếu thấy ba đức Phật thì là người kia nhiều thiện ít ác, không vì người đó mà xướng diệt độ. Người đó thấy Phật thường ở núi Linh-thứu. "Hoặc không thấy Phật", là người chướng nặng thiện nhẹ, vì họ mà nói ba thân Phật khó gặp. Chúng sinh đó nghe liền nghĩ rằng: ba thân Phật tuy lại phi sinh phi diệt, ắt phải sinh thiện diệt hoặc thì mới được chứng kiến. Việc này không dễ, cho nên nói "khó gặp". "Mang lòng luyến mộ khát ngưỡng nơi Phật": đây nêu ý hiện diệt không tổn hại. Diệt Kiến hoặc và Tư hoặc, gọi là không tổn hại. "Trồng các cội lành" gọi là có ích.

Từ "Lại, thiện nam tử !" trở xuống, là đoạn lớn thứ hai: Kết, ba đời lợi chúng sinh. Chúng sinh được lợi ích thật. Lại chia làm ba: 1. Chư Phật xuất thế đời ngũ trược, ắt trước ba sau một, trước cận sau viễn. 2. Đều là vì độ chúng sinh. 3. Đều chẳng hư vọng.

Từ "Ví như vị lương y" trở xuống là nói thí dụ. Có Khai thí và Hợp thí.

Khai thí chia làm hai phần: 1. Dụ Lương y trị bệnh cho con, ví như trên "ba đời ứng hóa thích nghi". 2. Dụ trị bệnh con thật lợi ích, ví như trên "ba đời lợi vật không dối". Văn trên nói vị lai ít, ở đây có đầy đủ. Phần một chia làm ba: 1. Dụ Thầy thuốc đi xa, ví như nghĩa trên "quá khứ lợi vật" 2. Trở về rồi lại đi, ví như hiện tại ứng hóa. 3. Từ xa trở về, ví như vị lai ứng hóa.

Phần thầy thuốc đi xa lại chia làm hai: 1. Phát cận hiện viễn. 2. Nêu ứng hóa quá khứ thích nghi, ở đây chỉ thí dụ ứng hóa thích nghi. Thích nghi có ba: 1. Xứ sở. 2. Quét trừ nghi Tích. 3. Chánh ứng hóa. Nay chỉ thí dụ ứng hóa. Ứng hóa lại có hai. 1. Cơ cảm. 2. Chánh ứng hóa.

Nay thí dụ đầy đủ "Như có lương y": là thí dụ vượt hơn bên trên: Ta dùng Phật nhãn quán thấy người có trí năng ứng. Từ "Người đó nhiều con cái" trở xuống là thí dụ trở lại nghĩa "Nếu có chúng sinh nào

đến chỗ ta" bên trên, là những người mà căn cơ có thể cảm hóa. Trên ứng hóa thích nghi lại có hai: 1. Lợi vật. 2. Hoan hỷ.

Nay chỉ thí dụ lợi vật. Trên lợi vật có hai: 1. Phi sinh hiện sinh. 2. Phi diệt hiện diệt. Đây chỉ thí dụ hiện diệt. Ban đầu nói "vị lương y", Thầy thuốc có mười loại. 1. Trị bệnh thì bệnh tăng không giảm, hoặc có khi đến chết, dụ cho ngoại đạo"Không kiến", ý buông lung hành ác, dạy người khởi tà đoạn thiện căn, pháp thân đã mất tuệ mạng cũng chết. 2. Trị bệnh thì bệnh không tăng không giảm, dụ cho ngoại đạo "Hữu kiến" khổ hạnh, "đầu uyên, phó hoả" khổ hạnh hành thiện, không đắc thiền định không thể đoạn kết, tức bệnh không giảm, cũng không năng đoạn thiện, tức bệnh không tăng. 3. Trị bệnh thì bệnh giảm mà không tăng, chỉ thầy thuốc gia truyền trị khỏi bệnh rồi bệnh sinh trở lại, tức là ngoại đạo tu định đoạn kết. 4. Trị bệnh có thể khiến khỏi bệnh rồi không còn phát trở lại, mà đối tượng được trị không cùng khắp, tức hàng Nhị thừa chỉ trị một, hai hạng người có duyên, không thể trị khắp hết tất cả mọi người. 5. Tuy có thể trị khắp nhưng không khéo dùng thuật trị bệnh đau khổ. Thích luận gọi đó là chuyết (vụng) độ, tức là Bồ-tát tu Lục độ từ bi trị rộng. 6. Có thuật trị bệnh rất mầu nhiệm, trị không còn đau đớn khổ sở mà không thể trị người phải chết. Ví như Bồ-tát Thông giáo thể nghiệm được pháp, chỉ trị bệnh. "Có trở lại phàm phu", mà không thể trị mất hạt giống Nhị thừa. 7. Tuy trị bệnh khó chữa, mà không một lúc trị tất cả bệnh, tức là Bồ-tát Biệt giáo. 8. Có thể một lúc trị tất cả bệnh, mà không thể khiến bình thường lại như cũ, tức Bồ-tát Viên giáo Sơ tâm Thập tín. 9. Năng trị khắp tất cả bệnh, cũng có thể trở lại bình thường như cũ, mà không thể khiến vượt quá tình trạng cũ (mạnh hơn...) tức Bồ-tát Viên giáo hậu tâm. 10. Một lúc trị tất cả bệnh, không những làm cho bình thường trở lại, mà còn khiến vượt quá hơn cũ, tức là Như Lai. Ba loại thầy thuốc trước tức trong Đại kinh nói "thầy xưa dùng thuốc sữa", bảy loại sau là "thầy mới", không có phương thuật mà chỉ dùng thuốc cay đắng chát, dụ cho các pháp vô thường, khổ, không... Người có phương thuật từ xa về, lại cho uống sữa, là vị lương y tối hậu cứu cánh.

"Lương": thiện. Bên trong có "Tam đạt, ngũ nhãn", tức là tám thuật khéo hiểu được tánh thuốc; "Khéo trị các bệnh" bên ngoài thì biết nguyên nhân gây bệnh, có thể dùng thuốc. "Trí tuệ": quyền thật nhị trí biết sâu Nhị đế. "Thông đạt": Ngũ nhãn quán sát căn cơ đốn tiệm không sai lầm. Mười hai bộ giáo văn lý rất sâu, như "giỏi luyện phương thuốc" nương Tứ Tất-đàn trị bệnh chúng sinh, như "khéo trị các bệnh". Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: Y vương đại y vương, vì đại y cho nên gọi

là "lương y".

"Có nhiều con cái", "hoặc mười" tức Thanh văn, "hai mươi" tức Bích-chi-phật, "hàng trăm" tức Bồ-tát. Bồ-tát là con. Có ba loại nghĩa con: 1. Căn cứ tất cả chúng sinh đều có tam chủng tánh đắc Phật tánh, tức là Phật tử, cho nên nói: "Chúng sinh trong đó đều là con ta". Văn đây nói: "Người đó nhiều con". Căn cứ mười tâm sở pháp tức là "trăm con", tâm vương là chánh nhân Phật tánh, tuệ là liễu nhân Phật tánh, chín thứ còn lại nương nhau mà khởi, thuộc duyên nhân Phật tánh, khi một tâm sở khởi thì chín tâm sở còn lại phò trợ, như vậy thành một trăm. Tánh đức Phật tử chẳng thiện chẳng ác mà thông thiện ác, cho nên mười tâm sở này cùng tâm vương làm thông tâm sở. Chính do tánh mà đắc "tam nhân", thì đều thuộc Chánh nhân Phật tử. 2. Căn cứ xưa kết duyên làm Phật tử, như mười sáu vị vương tử giảng lại kinh Pháp Hoa, người nghe pháp lúc ấy cũng sinh hiểu ít, tức thành Liễu nhân Phật tánh, xưa có tu hành ít gọi là Duyên nhân Phật tánh. Chánh tánh làm gốc. Tam nhân này đều thuộc duyên nhân giúp để phát sinh hiểu biết nhất thật ngày nay, cho nên dùng những chúng sinh đã kết duyên ngày trước làm Duyên nhân Phật tử, tức là ba mươi người con trong Nhà lửa vậy. Đây là căn cứ Thập tín. Khi một tín khởi, thì đủ chín tín còn lại khởi, tức là có một trăm tín cho nên được kết duyên làm Phật tử. 3. Liễu nhân Phật tử: tức là ngày nay nghe kinh Pháp Hoa, an trụ trong Thật trí. Ta nhất định sẽ thành Phật, quyết dứt bỏ pháp Thanh văn. Kinh này là vua của các kinh. Từ khẩu Phật sinh, đắc pháp phần của Phật, cho nên gọi là chân tử (con chân thật). Đây cũng có tam nhân phật tánh, nay đã hiển rõ thấy Phật tánh, đều thuộc Liễu nhân Phật tử. Nghĩa "trăm con" lại đem mười tâm sở nhập trong mười thiện pháp, Thập tín nhập trong Sơ trụ, vì vậy cho nên Chánh nhân thông cả bản mạt. Văn đây nêu "trăm con" không dùng nghĩa Liễu nhân Phật tử. Thuộc Liễu nhân Phật tử thì văn dưới sẽ rõ ràng nói: tâm không thể lầm uống thuốc.

"Do có sự duyên đi xa đến nước khác": là dụ thị hiện diệt độ trong quá khứ ứng hóa.

Từ "Sau lúc đó các người con" trở xuống: nêu trở về rồi lại đi, dụ cho hiện tại lợi vật, chia làm hai phần: 1. "Sau lúc đó các con uống thuốc độc khác", là dụ căn cơ ứng tương quan thấy các chúng sinh đức mỏng tội dày, chúng sinh sau khi Phật diệt độ ưa đắm pháp của tà sư trong tam giới, cho nên nói: "uống thuốc độc khác", tức là dạo đi đến nước khác luân chuyển trong các đường đọa vào ba cõi, cho nên nói "lăn lộn trên đất". 2. Từ "Bấy giờ người cha trở về nhà" trở xuống: dụ

cho ý "ta lúc nhỏ xuất gia đắc tam Bồ-đề" bên trên, tức là Phi sinh hiện sinh.

Trên có hai: Hình tiếng và lợi ích không dối, nay nói: "Các con uống thuốc độc" là dụ cho hình lợi ích bên trên. Tin thọ pháp tà sư gọi là "uống thuốc độc". "Mất bản tâm" là chúng sinh không có cảm ứng với cơ Đại Tiểu, "không mất Bản tâm" là chúng sinh có sảm ứng với cơ duyên Đại Tiểu. Lại, "mất bản tâm": là tham đắm tam giới, mất thiện căn tam thừa đã gieo trồng từ trước. Vì hạng người ấy, cho nên phi diệt mà xướng diệt. "Không mất bản tâm": tuy đắm ngũ dục mà không mất thiện căn tam thừa, vì hạng người ấy cho nên phi sinh mà hiện sinh. Thiện mạnh, ác yếu, thấy Phật thì có thể tu đạo đoạn kết, ví như "con thấy cha cầu xin cho thuốc uống để lành bệnh". Thiện nhẹ, ác nặng, được thấy Phật, cũng cầu gia hộ mà không tu đạo, thì ví như "con thấy cha thì cầu cứu mà không chịu uống thuốc". Cha vì những người con này mà xướng nói "ta... sắp chết". "Xa thấy": là khi Phật xuất thế chúng sinh cũng thấy sắc thân, nhưng vì Kiến Tư hoặc chướng ngăn ngũ phần không được thân gần phụng sự pháp thân, cho nên nói "xa". Thấy nghe việc Phật xuất thế, thì đều vui mừng cung kính, thể hiện các kinh văn Phạm vương thỉnh... ví như "lời cầu cứu".

Từ "Cha thấy các con khổ não như thế"... là dụ cho: "lợi ích của âm thanh" bên trên, lại chia làm hai phần: 1. Thí dụ: Phật nhận lời thỉnh, chuyển Nhị đế pháp luân. 2. Từ "Mà nói rằng" trở xuống dụ khuyên răn "Y theo các kinh phương": tức mười hai bộ giáo. "Dược thảo": tức tám vạn bốn ngàn pháp môn mà Phật đã thuyên giải. Từ Phật nói mười hai bộ cho đến nói Niết-Bàn, đây là bào chế ra dược thảo Tiệm Đốn. Thẳng từ Phật nói mười hai bộ kinh, đây là sản xuất dược thảo Đốn. Từ Phật xuất Tu-đa-la, đây là sản xuất dược thảo Tiệm. "Sắc" là dụ cho Giới, giới ngăn phòng thân khẩu, sự tướng hiển rõ ràng. "Hương" là dụ cho Định, hương công đức xông thơm tất cả. "Vị" là dụ cho Tuệ năng đắc mùi vị lý. Giới, Định, Tuệ đây tức Bát chánh đạo, tu Bát chánh đạo có thể "kiến" Phật tánh. Lại, "sắc" là Bát-nhã chiếu soi sắc pháp tánh rõ ràng không ngăn ngại. "Hương" là giải thoát, đoạn đức lìa mùi hôi. "Vị" là Pháp thân là mùi vị của lý. Ba pháp không dọc không ngang, gọi là Bí mật tạng. Y giáo tu hành đắc nhập tạng này. Thuyết tam thừa Không Tam-muội lực như "đâm nghiền" Vô tướng như cái "sàng lọc", Vô tác như "hòa hợp". Mỗi một Tam-muội đều có đầy đủ Giới, Định, Tuệ. Lại, Không quán như "đâm nghiền". Giả quán như "sàng lọc". Trung quán như "hòa hợp". Ba quán này đều không lìa Giới, Định, Tuệ.

Đem pháp này cho chúng sinh tiệm đốn khiến tu hành, gọi là "uống (thuốc)". Từ "mà nói rằng" đến "nên uống" là Khuyến môn. "Mau trừ khổ não không còn lại có các bệnh hoạn" là Giới môn (răn bảo). Đem hai giáo này dạy bảo, là khiến các chúng sinh uống pháp dược.

Từ "Trong số các con có những người không mất bản tâm" trở xuống: là dụ cho "được lợi ích không dối" bên trên. Trên có hai: 1. Không dối. 2. Giải thích không dối. Ở đây nói "trong các con, những người không mất bản tâm, thì uống thuốc được lành bệnh", tức dụ cho "đều thật chẳng dối" bên trên. Giải thích không dối thì không có thí dụ.

■